

# Phiếu An toàn Hóa chất

Trang: 1/13

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 09.07.2024  
Sản phẩm: **Dihydrorosan®**

Phiên bản: 1.0

(30035075/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 12.10.2025

## 1. Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

**Tên sản phẩm:**  
**Dihydrorosan®**

Sử dụng: Hóa chất, Chemical for detergents, Hóa chất dùng cho xà phòng, chất tẩy rửa và mỹ phẩm

Công ty:

Công ty TNHH BASF Việt Nam  
Tầng 23, Ngõ nhà Đức Thành phố Hồ Chí Minh,  
33 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Điện thoại: +84 28 3824 3833  
Số fax: +84 28 3824 3832  
Địa chỉ mail: minh-triet.thieu@basf.com

Thông tin khẩn cấp:

18001703 (Việt Nam)  
Số fax: +84 28 3824 3832  
International emergency number:  
Điện thoại: +49 180 2273-112

## 2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Phân loại về chất và hợp chất:

Chất lỏng dễ cháy: Cat.4

Kích ứng da: Cat.2

Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh: Cat.3

Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh: Cat.3

Ghi nhãn sản phẩm và cảnh báo nguy cơ:

Hình đồ cảnh báo:

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 09.07.2024  
Sản phẩm: **Dihydrosan®**

Phiên bản: 1.0

(30035075/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 12.10.2025



Cảnh báo:  
Cảnh báo

Cảnh báo nguy cơ:

H227	Chất lỏng cháy được.
H315	Gây kích ứng da.
H402	Nguy hại đối với sinh vật thủy sinh.
H412	Nguy hại đối với sinh vật thủy sinh và tác động kéo dài.

Biện pháp phòng ngừa:

P280	Đeo găng tay bảo vệ và bảo vệ mắt/ mặt.
P210	Tránh xa nhiệt/tia lửa/ngọn lửa hở/các bề mặt nóng. – Không hút thuốc.
P273	Tránh thải vào môi trường.
P264	Rửa kỹ với nhiều nước và xả phòng sau khi sử dụng.

Lưu ý khi tiếp xúc:

P302+P352	NẾU DÍNH TRÊN DA: Rửa sạch với nhiều xà phòng và nước.
P332+P313	Nếu kích ứng da xuất hiện: Yêu cầu trợ giúp y tế
P362 + P364	Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn và giặt sạch trước khi sử dụng lại.
P370 + P378	Khi xảy ra cháy: Sử dụng bột foam chống nhóm chức rượu, CO <sub>2</sub> , bột hoá chất khô hoặc bụi nước để dập lửa.

Lưu ý khi bảo quản:

P403	Cất trữ ở nơi được thông thoáng tốt.
------	--------------------------------------

Lưu ý khi thải bỏ:

P501	Thải bỏ hóa chất bên trong/thùng chứa đến điểm thu gom chất thải nguy hại hay đặc biệt.
------	---

Những mối nguy hiểm khác mà không được phân loại:

Trường hợp thông tin ứng dụng được cung cấp trong phần này về những mối nguy cơ khác không đưa đến kết quả phân loại nguy hiểm nhưng vẫn ảnh hưởng đến những nguy cơ tổng quát của đơn chất hoặc hợp chất.

### 3. Thông tin về thành phần các chất

Bản chất của hoá chất

Trạng thái chất: Chất

2-(2-Methylpropyl)-4-methyltetrahydropyran  
Số CAS: 13477-62-8

Thành phần nguy hại

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 09.07.2024  
Sản phẩm: **Dihydrosan®**

Phiên bản: 1.0

(30035075/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 12.10.2025

2-(2-Methylpropyl)-4-methyltetrahydropyran

Hàm lượng (W/W):  $\geq 75\%$  -  $\leq 100\%$ 

Số CAS: 13477-62-8

Flam. Liq.: Cat. 4

Kích ứng da: Cat. 2

Aquatic Acute: Cat. 3

Aquatic Chronic: Cat. 3

D,L-alpha-tocopherol

Hàm lượng (W/W):  $> 0\%$  -  $< 0.1\%$ 

Số CAS: 10191-41-0

Skin Sens.: Cat. 1B

#### 4. Biện pháp sơ cứu về y tế

Khuyến cáo chung:  
Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn.

Nếu hít phải:  
Giữ bệnh nhân bình tĩnh, di chuyển ra nơi có không khí trong lành, gọi bác sĩ.

Khi tiếp xúc với da:  
Rửa kỹ bằng xà phòng và nước.

Khi tiếp xúc với mắt:  
rửa mắt bị ảnh hưởng trong ít nhất 15 phút dưới vòi nước với mí mắt mở to, tư vấn với chuyên gia mắt

Khi nuốt phải:  
Ngay lập tức súc miệng và sau đó uống 200-300 ml nước, gọi bác sĩ.

Lưu ý cho bác sĩ:  
Triệu chứng: Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11., Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến  
Việc xử lý: Điều trị theo các triệu chứng (khử độc, chức năng sống), không có thuốc giải độc đặc trưng.

#### 5. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Phương tiện chữa cháy phù hợp:  
Phun nước, bột khô, bột chịu cồn, cacbon dioxide

Những phương tiện chữa cháy không phù hợp vì lý do an toàn:  
Vòi phun nước

Những mối nguy hiểm cụ thể:  
những chất dạng hơi có hại, các oxit cacbon  
Những chất/nhóm chất được đề cập có thể thoát ra khi cháy. Chất lỏng dễ cháy

Thiết bị bảo vệ đặc biệt:  
Trang bị dụng cụ hô hấp độc lập.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 09.07.2024  
Sản phẩm: **Dihydrosan®**

Phiên bản: 1.0

(30035075/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 12.10.2025

Thông tin bổ sung:

Thu gom nước chữa cháy bị nhiễm bản hóa chất riêng biệt, không được đến gần các hệ thống cống rãnh hay nước thải. Loại bỏ những mảnh vụn cháy và nước chữa cháy bị nhiễm bản hóa chất theo các quy định chính thức. Làm mát các thùng nguy hiểm bằng cách phun nước.

## 6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

Những cảnh báo cá nhân:

Sử dụng quần áo bảo hộ lao động. Thông tin về phương thức bảo vệ cá nhân xem chương 8. Đảm bảo hệ thống thông thoáng đầy đủ. Không hít thở hơi/bụi nước. Tránh tiếp xúc với da, mắt và áo quần.

Cảnh báo môi trường:

Không thải vào cống rãnh/nước mặt/nước ngầm. Thông báo ngay cho chính quyền địa phương nếu hoá chất tràn đổ xuống hệ thống cống rãnh hay nguồn nước.

Phương pháp lau dọn hoặc thu gom:

Cho lượng lớn: Rãnh chống tràn đổ. Bao phủ bằng lớp bột foam (rượu - chống foam). Bơm hút sản phẩm.

Cho phần còn lại: Chứa đựng với vật liệu hấp thụ (vd. cát, gien silica, chất gắn axit, chất gắn đa năng, mùn cưa).

Xử lý vật liệu hấp thụ theo các quy định.

## 7. Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

Hướng dẫn sử dụng

Phải bảo đảm thông thoáng hoàn toàn ở khu vực lưu trữ và làm việc. Mặc quần áo bảo hộ lao động và đeo thiết bị bảo vệ mắt/ mặt phù hợp. Tránh tiếp xúc với da, mắt và áo quần. Giữ thùng chứa thật kín. Sản phẩm có thể gây các triệu chứng kích ứng; nên rửa tay sau khi tiếp xúc.

Phòng chống cháy nổ:

Lưu ý biện pháp phòng ngừa mạch tĩnh điện. Tránh các nguồn phát sinh tia lửa điện: nhiệt, tia lửa, ngọn lửa hở.

Hướng dẫn bảo quản

Thông tin bổ sung về điều kiện lưu trữ: Bảo quản vật chứa kín và khô; cất trữ nơi thoáng mát.

## 8. Kiểm soát phơi nhiễm / yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

Thành phần của các thông số kiểm soát khu vực làm việc

Không có giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp cụ thể được biết đến.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 09.07.2024  
 Sản phẩm: **Dihydrosan®**

Phiên bản: 1.0

(30035075/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 12.10.2025

Thiết bị bảo hộ cá nhân**Bảo vệ hô hấp:**

Bảo vệ hô hấp khi hơi/ aerosol thoát ra. Bộ lọc hạt có hiệu suất trung bình đối với các hạt rắn và lỏng (vd. EN 143 hay 149, Loại P2 hay FFP2)

**Bảo vệ tay:**

Găng tay chống hóa chất thích hợp (EN ISO 374-1) cũng với quá trình tiếp xúc lâu dài và trực tiếp (Đề nghị: Chỉ số bảo vệ 6, tương ứng > 480 phút thời gian thấm thấu theo EN ISO 374-1) : Vd. cao su nitrile (0.4 mm), cao su chloroprene (0.5 mm), cao su butyl (0.7 mm) v

Lưu ý bổ sung: Các thông số dựa trên thí nghiệm, dữ liệu lý thuyết của nhà sản xuất găng tay hay có nguồn gốc từ những chất tương tự theo phép loại suy. Tùy thuộc vào nhiều điều kiện khác nhau (như nhiệt độ), trên thực tế việc sử dụng các găng tay chống hoá chất có thể ngắn hơn nhiều so với thời gian thấm thấu được xác định qua các thí nghiệm  
 Nên tuân thủ những hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất do sự đa dạng về chủng loại.

**Bảo vệ mắt:**

Kính an toàn với chắn bảo vệ các cạnh (kính gọng) (vd. EN 166)

**Bảo vệ toàn thân:**

Bảo vệ cơ thể được chọn dựa vào hoạt động và khả năng phơi nhiễm, ví dụ tạp dề, ủng bảo vệ, quần áo chống hoá chất (theo EN 14605 trong trường hợp hoá chất văng hoặc EN ISO 13982 trong trường hợp bụi).

**Tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn chung:**

Xử lý theo quy tắc vệ sinh và an toàn công nghiệp. Đề nghị mặc trang phục phù hợp khi làm việc  
 Tránh tiếp xúc với da Không ăn, uống, hút hay sử dụng thuốc lá ở nơi làm việc. Nên rửa sạch tay và/ hay mặt trước khi nghỉ ngơi và vào cuối ca. Cất trữ riêng biệt áo quần làm việc.

**9. Đặc tính lý, hóa của hóa chất**

Dạng:	chất lỏng	
Màu sắc:	không màu	
Mùi:	mùi hương hoa	
Ngưỡng mùi:	< 100 ppm	
Giá trị pH:	5.1 - 5.3 (0.13 g/l, 20 °C)	(OECD Guideline 105)
Điểm nóng chảy:	< -130 °C (1,013.25 hPa)	(OECD-Hướng dẫn 102)
nhiệt độ quá nhiệt của thủy tinh:	-120 °C (1,013.25 hPa)	(OECD-Hướng dẫn 102)
Điểm sôi:	181.9 °C (1,013.25 hPa)	(được đo lường)
Điểm chớp cháy:	62 °C	(Chỉ thị 92/69/EEC, A.9, cốc kín)
Tốc độ bay hơi:	Giá trị gần đúng theo Định luật Henry hoặc theo áp suất hơi.	
Tính dễ cháy (chất rắn/Khí gas):	Chất lỏng cháy được.	(được bắt nguồn từ điểm chớp cháy)

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 09.07.2024  
 Sản phẩm: **Dihydrosan®**

Phiên bản: 1.0

(30035075/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 12.10.2025

Giới hạn nổ dưới (LEL):	0.6 %(V) Các chất lỏng không áp dụng quy định phân loại và dán nhãn., Giới hạn nổ dưới có thể thấp hơn từ 5 - 15 °C so với độ chớp cháy.	
Giới hạn nổ trên (UEL):	Các chất lỏng không áp dụng quy định phân loại và dán nhãn.	
Nhiệt độ tự cháy:	225 °C	(Chỉ thị 92/69/EEC, A.15)
Phân huỷ do nhiệt:	tương đương 460 °C	(DDK (DIN 51007))
Tự bắt cháy:	Dựa trên các đặc điểm cấu trúc của nó, sản phẩm không được phân loại là tự cháy.	Loại thí nghiệm: Tự bốc cháy ở nhiệt độ phòng
Khả năng tự gia nhiệt:	Không áp dụng, sản phẩm là chất lỏng	
Nguy cơ nổ:	Dựa trên cấu trúc hóa học không có biểu hiện cho thấy có các thuộc tính nổ.	
Những đặc tính làm tăng cháy:	Dựa trên các đặc điểm cấu trúc của nó sản phẩm không được phân loại là oxy hóa.	
Áp suất hơi:	1.1 hPa (20 °C) 1.5 hPa (25 °C) 7.2 hPa (50 °C)	(OECD-Hướng dẫn 104) (OECD-Hướng dẫn 104) (OECD-Hướng dẫn 104)
Tỷ trọng:	0.8388 g/cm <sup>3</sup> (20 °C) Dữ liệu tài liệu.	
Tỷ trọng tương đối:	0.8388 (20 °C) Dữ liệu tài liệu.	
Tỷ trọng hơi (không khí):	> 1 (20 °C) Nặng hơn không khí.	(được tính toán)
Tính tan trong nước:	0.13 g/l (20 °C)	
Độ hoà tan (định tính) (các) dung môi:	Ethanol hoà tan	
Hệ số phân chia n-octanol/nước (biểu đồ Pow):	4.4 - 5.2 (25 °C; Giá trị pH: 5.3)	(OECD-Hướng dẫn 117)
Hấp thụ/nước - đất:	KOC: 722.7; biểu đồ KOC: 2.86	(được tính toán)
Sức căng bề mặt:	Dựa trên cấu trúc hóa học, không có khả năng có bề mặt hoạt tính.	

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 09.07.2024  
Sản phẩm: **Dihydrosan®**

Phiên bản: 1.0

(30035075/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 12.10.2025

Tính nhót, động lực: Không có sẵn các dữ liệu.  
Tính nhót, động học: Không có sẵn các dữ liệu.

## 10. Mức ổn định và phản ứng của hóa chất

Những điều kiện cần tránh:

Tránh các nguồn phát sinh tia lửa điện: nhiệt, tia lửa, ngọn lửa hở. Xem MSDS phần 7 - Xử lý và cất trữ.

Phân huỷ do nhiệt: tương đương 460 °C (DDK (DIN 51007))

Những chất cần tránh:

Không có bất cứ vấn đề nào trong quá trình sử dụng và bảo quản nếu tuân thủ các hướng dẫn từ nhà sản xuất.

Sự ăn mòn kim loại: Không dự đoán ăn mòn kim loại.

Những phản ứng nguy hiểm:

Hình thành hơi/khí dễ cháy

Các sản phẩm phân hủy nguy hại:

Không có các sản phẩm phân hủy nguy hại nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Tính ổn định hóa học:

Sản phẩm thích hợp nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Khả năng phản ứng:

Phản ứng không nguy hại nếu được cất trữ và sử dụng theo chỉ dẫn/ quy định.

## 11. Thông tin về độc tính

### Các đường tiếp xúc

#### Độc cấp tính khi tiếp xúc qua miệng

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

LD50chuột (miệng): > 5,000 mg/kg (Thí nghiệm BASF)

#### Độc cấp tính khi hít phải

khác chuột (bằng cách hít phải): 23.1 mg/l 7 h (IRT)

Thí nghiệm nguy cơ khi hít vào (IRT): Không có trường hợp tử vong nào trong vòng 7 giờ cho thấy trong các cuộc nghiên cứu động vật. Việc hít vào một hỗn hợp hơi nước-không khí được bão hòa cao cho thấy không có nguy hại độc tính. Thí nghiệm hơi nước.

#### Độc cấp tính trên da

LD50 chuột (da): > 2,000 mg/kg (Thí nghiệm BASF)

#### Đánh giá độ độc cấp tính

Hầu như không độc sau 1 lần ăn vào. Hầu như không độc sau 1 lần tiếp xúc với da.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 09.07.2024  
Sản phẩm: **Dihydrorosan®**

Phiên bản: 1.0

(30035075/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 12.10.2025

### Triệu chứng

Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11. Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến

### Kích ứng

Đánh giá tác động kích ứng:  
Tiếp xúc da gây kích ứng. Không gây kích ứng mắt.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:  
Ăn mòn/Kích ứng da thỏ: Gây kích ứng. (OECD hướng dẫn 404)

Gây tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng thỏ: không gây kích ứng (OECD hướng dẫn 405)

### Dị ứng da/hô hấp

Đánh giá tính nhạy cảm:  
Không có tác dụng mẫn cảm.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:  
Thử nghiệm tối đa trên cơ thể người con người: Không làm mẫn cảm. (Human patch test)

Thử nghiệm trong ống nghiệm Trong các thí nghiệm: Không làm mẫn cảm.

### Gây đột biến tế bào

Đánh giá khả năng gây đột biến:  
Không tác dụng đột biến nào được tìm thấy trong nhiều thí nghiệm khác nhau trên vi khuẩn và tế bào động vật có vú.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:  
Thí nghiệm Ames  
tiêu cực (OECD hướng dẫn 471)

Thí nghiệm HGPRT  
tiêu cực (OECD hướng dẫn 476)

Thí nghiệm vi hạch  
tiêu cực

### Chất gây ung thư

Đánh giá khả năng gây ung thư:  
Không dữ liệu nào cho thấy có liên quan đến tác dụng gây ung thư.

### Độc đối với sinh sản

Đánh giá độ độc đến sinh sản:  
Những kết quả nghiên cứu trên động vật không cho thấy tác dụng giảm khả năng sinh sản. Các kết quả được xác định trong Thí nghiệm sàng lọc (OECD 421/422).

### Độc tính gia tăng



Đánh giá vấn đề quái thai:

Không chỉ số nào về tác dụng gia tăng độc tính/ gây quái thai được nhìn nhận trong các nghiên cứu trên động vật. Các kết quả được xác định trong Thí nghiệm sàng lọc (OECD 421/422).

### **Độc độc lên cơ quan đích đặc trưng (phơi nhiễm đơn)**

Theo các dữ liệu hiện tại, các yếu tố phân loại không thích hợp.

### **Độc độc liều lượng lặp lại và cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm nhiều lần)**

Đánh giá độ độc liều lượng lặp:

Không tìm thấy độc tính lên các cơ quan cụ thể sau khi cho động vật tiếp xúc nhiều lần với hóa chất.

### **Nguy cơ khi hít vào**

Không có sẵn các dữ liệu.

---

## **12. Thông tin về sinh thái**

### **Độc sinh thái**

Đánh giá độ độc với môi trường thủy sinh:

Tác hại cấp tính cho thủy sinh vật. Sự kìm hãm quá trình phân huỷ của bùn hoạt tính không thể đoán trước khi cho vào nhà máy xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học ở nồng độ thấp.

Độc với loài cá:

LC50 (96 h) 77.6 mg/l, *Brachydanio rerio* (OECD - Hướng dẫn 203, bán tính)

Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự. Báo cáo về tác động gây độc có liên quan nồng độ xác định phân tích.

Loài không xương sống thủy sinh:

EC50 (48 h) 33.2 mg/l, *Daphnia magna* (Hướng dẫn OECD 202, phần 1, tính điện)

Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự. Các chi tiết của tác động độc tố có liên quan đến nồng độ nhỏ.

Thực vật thủy sinh:

EC50 (72 h) 79.7 mg/l (tỷ lệ tăng trưởng), *Pseudokirchneriella subcapitata* (Hướng dẫn OECD 201, tính điện)

Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự. Báo cáo về tác động gây độc có liên quan nồng độ xác định phân tích.

EC10 (72 h) 38.1 mg/l (tỷ lệ tăng trưởng), *Pseudokirchneriella subcapitata* (Hướng dẫn OECD 201, tính điện)

Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự. Báo cáo về tác động gây độc có liên quan nồng độ xác định phân tích.

Vi sinh vật/ Tác động lên bùn hoạt tính:

EC20 (30 min) tương đương 550 mg/l, bùn hoạt tính (Hướng dẫn OECD 209, hiệu khí)

EC20 (3 h) > 1,000 mg/l, bùn hoạt tính, nước thải sinh hoạt (Hướng dẫn OECD 209, tính điện)

Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự. Các chi tiết của tác động độc tố có liên quan đến nồng độ nhỏ.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 09.07.2024  
Sản phẩm: **Dihydrosan®**

Phiên bản: 1.0

(30035075/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 12.10.2025

Độc mãn tính cho loài cá:  
Không có sẵn các dữ liệu.

Độc mãn tính cho loài không xương sống thủy sinh:  
Không có sẵn các dữ liệu.

Đánh giá độ độc với động vật trên cạn:  
Các nghiên cứu khoa học chưa được chứng minh.

Vi sinh vật sống trong đất:  
Các nghiên cứu khoa học chưa được chứng minh.

Thực vật trên cạn:  
Các nghiên cứu khoa học chưa được chứng minh.

Những loài động vật không có vú trên cạn khác:  
Các nghiên cứu khoa học chưa được chứng minh.

### **Đặc tính không ổn định**

Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:  
Chất sẽ từ bay hơi vào trong không khí từ mặt nước.  
Có khả năng hấp thụ trong đất rắn.

### **Tính bền và tính biến chất**

Thông tin bị đào thải:  
18 % Sự hình thành CO<sub>2</sub> có liên quan đến chỉ số lý thuyết (28 d) (OECD Guideline 310) (hiếu khí, bùn hoạt tính, sinh hoạt, không được thích ứng)

75 % Sự hình thành CO<sub>2</sub> có liên quan đến chỉ số lý thuyết (60 d) (OECD Guideline 310) (hiếu khí, bùn hoạt tính, sinh hoạt, không được thích ứng)  
Điều kiện: ủ bệnh kéo dài

Đánh giá tính ổn định trong nước:  
Dựa vào thuộc tính cấu trúc, sự thủy phân không chắc chắn xảy ra.

### **Khả năng tích lũy sinh học**

Đánh giá khả năng phân huỷ sinh học:  
Vì có thể có hệ số phân bố n-octanol/nước (log Pow) tích tụ trong các cơ quan.

---

## **13. Thông tin về thải bỏ**

Thông tin quy định tiêu hủy: Phải tuân thủ các quy định về chất thải nguy hiểm như:

- Luật số 72/2020/QH14 của Quốc hội : Luật Bảo Vệ Môi Trường.
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ : Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường : Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 09.07.2024  
Sản phẩm: **Dihydrorosan®**

Phiên bản: 1.0

(30035075/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 12.10.2025

Tuân theo các yêu cầu pháp luật quốc gia và địa phương.

## 14. Thông tin khi vận chuyển

### Vận chuyển nội địa:

	Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải
Số UN hoặc số ID	Không áp dụng
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	Không áp dụng
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng
Nhóm đóng gói:	Không áp dụng
Mối nguy hiểm về môi trường:	Không áp dụng
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Chưa có thông tin

### Vận tải đường thủy

IMDG	
Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải	
Số UN hoặc số ID:	Không áp dụng
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	Không áp dụng
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng
Nhóm đóng gói:	Không áp dụng
Mối nguy hiểm về môi trường:	Không áp dụng
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Ô nhiễm hàng hải: không
	Chưa có thông tin

### Sea transport

IMDG	
Not classified as a dangerous good under transport regulations	
UN number or ID number:	Not applicable
UN proper shipping name:	Not applicable
Transport hazard class(es):	Not applicable
Packing group:	Not applicable
Environmental hazards:	Not applicable
	Marine pollutant: no
Special precautions for user	None known

### Vận tải hàng không

IATA/ICAO	
Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải	
Số UN hoặc số ID:	Không áp dụng
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	Không áp dụng
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng
Nhóm đóng gói:	Không áp dụng
Mối nguy hiểm về môi trường:	Không áp dụng
Phòng ngừa đặc biệt	Chưa có thông tin

### Air transport

IATA/ICAO	
Not classified as a dangerous good under transport regulations	
UN number or ID number:	Not applicable
UN proper shipping name:	Not applicable
Transport hazard class(es):	Not applicable
Packing group:	Not applicable
Environmental hazards:	Not applicable
Special precautions for	None known

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 09.07.2024  
Sản phẩm: **Dihydrosan®**

Phiên bản: 1.0

(30035075/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 12.10.2025

cho người dùng

user

## 15. Thông tin về pháp luật

### Những quy định khác

Phiếu An toàn hóa chất (SDS) được biên soạn theo các quy định quốc tế về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS) cũng như các quy định pháp luật hiện hành có liên quan:

- Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007.
- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Thông tư số 17/2022/TT-BCT ngày 27/10/2022 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
- Nghị định số 34/2024/ND-CP ngày 31/03/2024 của Chính phủ Quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.
- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Thông tư số 37/2020/TT-BCT ngày 30/11/2020 của Bộ Công Thương quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 05A:2020/BCT về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng bảo quản, vận chuyển hóa chất nguy hiểm và các quy định pháp luật liên quan đến lĩnh vực hóa chất có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.
- Nghị định số 33/2024/ND-CP ngày 27/03/2024 của Chính phủ Quy định việc thực hiện công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học

Phải bổ sung phụ lục trong trường hợp thông tin khác về việc áp dụng luật pháp chưa được cung cấp trong phiếu An toàn hoá chất này.

## 16. Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất

Bất cứ những ứng dụng dự kiến khác nên thảo luận với nhà sản xuất. Phải tuân thủ nghiêm các biện pháp bảo vệ an toàn nghề nghiệp được khuyến cáo.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 09.07.2024  
Sản phẩm: **Dihydrosan®**

Phiên bản: 1.0

(30035075/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 12.10.2025

---

Những hàng trắng bên lề trái cho biết một số hiệu chỉnh so với phiên bản trước đó.

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Phiếu An toàn hóa chất chỉ mô tả sản phẩm liên quan đến những yêu cầu an toàn. Dữ liệu không mô tả thuộc tính của sản phẩm (chi tiết kỹ thuật). Người sử dụng sản phẩm chịu trách nhiệm về các quyền sở hữu, các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.